

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM (QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT)

LC

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. Name: [^]HỒ [^]-THE [^]-CHAU
2. Other name: no SN: 58/112.884
3. Date/Place of Birth: 15-7-1938 Châu Phú - Châu Đốc
4. Residence address: 30/4 Đồng Đa Street DÂN AN
5. Mailing address: 1 VIETNAM
6. Current operation: Lastest Unit: 3rd - Transportation Group Long Bình (To belong to ARVN Transp District)
 - o Total Worked time: 15 years (from 1960 - 1975)
 - o Last Rank: CAPTAIN (6 years from 1969 - 1975)
 Operation Transportation Office.
7. Date arrested: 20-5-1975
8. Date Released: 02-10-1976 another given for Citizen's life after 5 months (12-3-1977)
 - Total time: 22 months.

B. Relative to Accompany me:

No	Name	Years of Birth		M/S	Relation	Address
		M	F			
1	[^] TRAN-THI-KHUONG		1945	M	Wife	30/4
2	[^] HỒ-THI-KIM KHANH		1964	S	Daughter	Đồng Đa
3	[^] HỒ-THI-CÔNG	1969		S	Son	Dân An
4	[^] HỒ-THI-THANH KHANG			S	Daughter	City of
5	[^] HỒ-THI-CÂN	1971		S	Son	VIETNAM
6	[^] HỒ-THI-THANH AN		1973	S	Daughter	-

C. Relation Outside of Vietnam

1. Closest Relative on the USA:

- [^]HỒ-the-Hao (my Uncle Brother Last Rank before 1975 Lt. Colonel AFRVN, but now I don't know his address in USA.

- Friend: 1) Paul B Manzo (my Advisor Last Rank before 1975: Major of US ARMY (ARTILLERY), but now I don't know his address (my Advisor 1964-1966 Tân Ấp, Vietnam)

2) Shimanooff (Last Rank before 1975 Colonel The 1st Transportation Group of 1st USMC Division (Đà Nẵng) Since 1969-1970) but now I don't know his Address

3) Many old Commander before 1975: Colonel Leguillo, Colonel Nguyễn Văn Long, Colonel Nguyễn Tử Khanh (1346 FARM TO MARKET ROAD ANDWELL NY 1376 USA)

2. Closest relative on the foreign countries:

- Hồ Thị Lanb 18/256 RIVER AVE CARRAN MAR NSW 2163 AUSTRALIA (my little sister)

D. COMPLETE FAMILY LISTING (living, dead), father, mother Wife, children)

Relationship	Name	Status	Address
Father	Hồ - Thế - Huân	Dead	-
Mother	Ngô - Thị - Bàng	Dead	-
Wife	Trần - Thị - Hương	living	30/4 Đống
Children	Hồ - Thị - Kim Khanh	-	th Street
-	Hồ - Thế - Chưởng	-	Đà Nẵng
-	Hồ - Thị - Kim Khanh	-	City.
-	Hồ - Thế - Công	-	-
-	Hồ - Thị - Thanh Khang	-	-
-	Hồ - Thế - Căn	-	-
-	Lê - Thị - Thanh An	-	-
Daughter in law	Nguyễn Thị Đa Căn	-	-

Employment by US Government Agencies or other US Organization of you or your spouse:
My Wife: TRAN - THI - KIUONG (1945)

- 1968-1970: Employment of RMK - BRT Company.
(Đà Nẵng) Director: M^r WHELEN
- 1970-1973. Employment of PHILCO-FORD CORPORATION
DANANG CITY. Title: Stock Clerk
- 1973-1975 Employment of ICCS / FIC Tân Sơn Nhứt
Saigon City. Title: TELETYPEPIST.
Supervisor: M^r FRED.

(F) SERVICE WITH GVN of RVN or ARVN you or your spouse:

1. Name of person serving: HỒ-THẾ-CHAU (1938)

2. Date from: SN: 58/112884

- 1960-1961: Transportation School of ARVN
- 1961-1962: 215th Transportation Company
(Quinlon) Under order: 2nd Transp. Battalion
- 1962-1964: 2nd Transp Company of ARVN 2nd
Infantry Division (I Zone)
- 1964-1966 ARVN Military Train Tân Cảng District
Commander. American Advisor:
Captain Paul B. Margo.
- 1967-1969: 12th Escort, security rail Road
Commander.
- April / 1969: To be Wounded at Huế While Commanded
12th Escort, security Rail Road Comp-
any to protect the Big Convoy (100 trucks
going to Huế).
- July / 1969: Headquard Company Commander
of 1st Rail Road Security Battalion.
- 1970-1971: Operation Office of the 1st Transp.
Group (ĐÀ NẴNG). Advisor: III MAF
Commander: Lt. Col Lê quý Kỳ
- 1971-1973: Port Transportation office of ARVN.
Transp. Saigon District.
Commander: Colonel Lê quý Đổ
Colonel Nguyễn Văn Long
Advisor: DAO

- 1973-1974: CONEX Supply - Control - maintenance (keeping intact) office of ARVN.
Commander: 1) Col Lê qui Do - Col:
2) Trần thien thanh. Col. Nguyễn tử Khanh
Advisor = DAO.

- 6/1974 : Studying High Transportation Office
Diplomacy (ARVN).

- 1975 : Transportation office of 3rd Transp.
Group (Long Binh). Commander: Lt
Colonel Lê Bá Tông. Under Order: 3rd
Transp. Zone Commander: Colonel
Nguyễn Đình Thông.

3. Lastest Rank = Captain (6 years from 69-75)

4. Ministry/office. Military Unit: 3rd Transp. Group

5. Supervisor/Co: Lt Colonel Lê Bá Tông

6. Name of American Advisor: no remember

7. Reasoning of leaving: By the 1975 event and by my
idea and by the future life of my children.

8. US Training Course in Vietnam: ECL class 6 months
by English ^{language} school at Saigon (1969)

(G). REEDUCATION OF YOU OR YOUR SPOUSE:

1. Name of person in reeducation: HỒ-thi-Châu

2. Total Time: 2 years

Place of Reeducation: 2nd reeducation camp KYSON-QUANGNAM

3. Still in reeducation: no/ but always to asking many
politic question

(H). Any additional remark: Help! Help! =

- by the future life of my children and FOR repair
my right eye (was wounded from 1969).

(I). Please list my all documents attached to my questionnaire
Sending from August/1988. And please give to me one IV

Signature

Date

August/1988

HỒ-thi-Châu

Đà Nẵng ngày 6-11-1989
Kính thưa Bà

Mẫu dịch thư Bà ngày 21-4-1989, tôi cũng gởi
đơn và cũng cảm kích và biết ơn Bà rất nhiều quan
liên giúp tôi có được đơn của tôi. Vì cũng theo
đơn của Bà như tôi đã tạo của 2 Nhà Nước Hoa Kỳ và VN
chị Hiệp Tiến ngày 30/3/1989 cũng từ cùng một việc
không còn những anh em của tôi là các ông bà và anh em của
Hoa Kỳ trước 1975. Nhưng trong cái tình hình hiện tại
không còn xét đến tình trạng của tôi. Tôi là Bà,
vấn đề này đang là cái gì phải là sao cũng từ
đơn của Bà và tôi, nhưng các ông bà và anh em của
tôi phải lấy tình cảm mà nghĩ đến tình trạng của
đơn của tôi. Tôi cần phải viết lên những lời này để
lưu lại trong lòng tôi những điều như sau Bà đã cho
tôi. Tôi cũng cấp được thư của Bà từ năm 1969
trong công tác của tôi. Bà đã 12 năm trước là Bà
tổng Xa Đồn. Bà có tiếp tế cho các trường học
đồng bào. (Thư này tôi gửi Bà: một phần bị cháy trong
lửa 1 máy bay của tôi là di nhân: 1/2 CD Fernand
de la Chombe d'entente. Catarae trametique
Bác Sĩ Vinh Bình Viên Bưu Điện Đà Nẵng trước 1975 nơi là
lễ kỷ niệm sau 15 năm hàng xóm của tôi.
Tôi cũng xin Bà cần thư với chúng tôi
lên cho tôi và gia đình tôi. Chúng tôi cũng như
đơn của Bà cũng như đơn của tôi và tạo tình cảm của con
tôi. Bà cũng cần lời về sự việc của tôi. Bà cũng
tôi như đơn của Bà và gia đình Bà. Bà cũng như tôi.
Bà cũng như tôi. Năm 1989 Bà đã cho tôi
nghe về Bà và Cao cấp ngoại giao của Bà tại Việt Nam.
Bà cũng như Bà. Bà cũng như Bà. Bà cũng như Bà.
nghe: Bà và Bà (Xa Đồn) Bà đã Xa Đồn - không
và cũng như Bà (Bà và Bà) Bà cũng như Bà.

Kính gửi: Bà chúa và Bà con Điện tử.
Điện Cb. Điện Hạng.

Hiện nay tôi sắp được duyệt xét và cấp Hộ
chiếu Xuất Cảnh cấp Bỏ Nơi Vụ. Đây kính xin Bà
xin cho tôi được nhập Cư Hoa Kỳ là đúng chính
sách nhân tạo để chuyển trình HC.

Chúng tôi đã cố gắng xin chính phủ VN như là
khuynh của Bà, vậy mong Bà cũng giúp cho hoàn
cảnh của tôi. Mong tin của Bà và cầu xin từ Bà
được làm cho Bà và gia đình.

Taibut: Xin Bà hãy cho là tôi nguyện đã phục
vụ cho các cơ quan Hoa Kỳ tại Vietnam như sau:

* 1968-1970: Employment of RMK-BRT
Company (DANANG). Director: M. WHELEN
Title: Clerk.

1970-1973* Employment of PHILCO-FORD Corporation
(CƠ V. 0643) DANANG CITY. Title: Stock Clerk.

* 1973-1975. Employment of ICCS/FIC
Tân Sơn Nhất SAIGON Capital.

Title: TELETYPE SUPERVISOR: M. FRED
Con các địa chỉ của Bà Mỹ gần tôi nên Bà
hỏi các BQP Hoa Kỳ hoặc các viên chức bình
thường cho tôi và nói chuyện với các ông ấy báo
lãnh nhân tôi.

Một lần chót xin Bà nhân nơi này tôi
lòng thương của tôi và gia đình. Tôi chỉ hy
vọng trong tương lai sẽ gặp được Bà và cùng
đi Bà tâm mật. Chúng tôi xin Bà hãy báo
và chờ đợi.

Kính thư



Ho-the Chau

Thưa Bà

Tôi có xin 1 DV tại Thái Lan (tên Đại sứ
Hoa tại chúng tôi ODP) năm 86 và
88 nhưng không thấy họ trả nên ở PV
IV số mấy, có thể cấp được.

Vin Ba giúp cho tin tức IV hoặc
1 giấy ODP Affidavit of Relationship
Lay MICE. Hoặc cần tôi vì chưa
tin được anh tôi. Họ thể đưa
về các bạn hiện nay muốn có giấy
này cho được. Nếu cần thấy &
các tin nó thì cũng xin Ba giúp đỡ
cho. Kính xin anh các và tôi
sở Ba trước.

Cần ở trên Ba phải làm
cho Ba & Gia đình.

Kính thư

Nếu có thể, nó Ba
hoặc Ba hiện tại xin
hoàn trả bất cứ 3'
đầu kính thư.

Hồ-thê Châu

Hồ sơ bổ túc thêm gồm có:

- 1 giấy Cai tán (phong thư) / chủ QĐ tại
quận công dân số 58 ngày 2/6/77
- 1 giấy chứng nhận học chữ số 025
- 1 giấy CN số 163 ngày 18/5/1983.
- 1 QQ số 289 ngày 31/2/80.
- 1 giấy lên thư số 45 ngày 8/4/1964
- 5 giấy khai sinh số 893 (4/12/60) - 380
(3/8/1969) - 384 (20/9/70) - 435 (12/11/71)
Đo (10/3/73) có dấu hình 4x6 cm.
- 1 thẻ V-0634 (22/3/80) của PHILCO-FORD
- 1 giấy photo hộ khẩu.
- 7 bức ảnh CNND
- 1 questionnaire for ex-political prisoners.



PHILCO - FORD CORPORATION

COMMUNICATIONS AND TECHNICAL SERVICES DIV
P.O. Box 10 Ft. Washington, PA 19044

FACILITY ADDRESS

NAME QUYN THI KHUONG

PHILCO-FORD

Job: Clerk

EMPLOYEE NO.

V-0634

COMMUNICATIONS
& TECHNICAL
SERVICES
DIVISION

SECURITY OFFICER

Issued DANANG, VN

Form Nr. Z-1024.24 10 July 69

DATE 03-27-70

Ha-Dong, BV

Birthplace

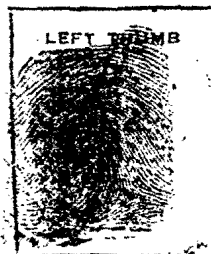
Nationality

01-23-45

Date of Birth

Medium

Complexion



1m55

Height

40kgs

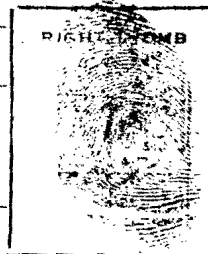
Weight

Black

Hair

Slight

Build



Security/cont #
29520-DN

VN I. D. # 0614419



PHILCO - FORD CORPORATION

COMMUNICATION AND TECHNICAL SERVICES DIV

P.O. Box 10 Ft Washington PA 19034

FACILITY ADDRESS

NAME **TRAN THI KHUONG**

PHILCO-FORD

Job: Clerk

EMPLOYEE NO

V-0634

COMMUNICATIONS
& TECHNICAL

SERVICES

DIVISION

SECURITY OFFICER

Issued DANANG, VN

Form Nr. Z-10-1-24 10 July 69

DATE **03-27-70**

Ha-Dong, BV

Birthplace

RVN

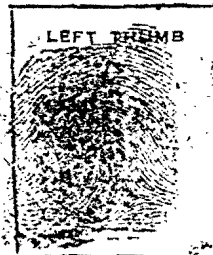
Nationality

01-23-15

Date of birth

Medium

Complexion



1m55

Height

110kgs

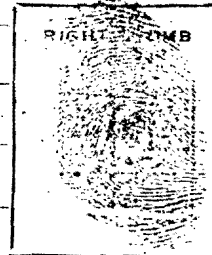
Weight

Black

Hair

Slight

Build



Security/cont #
29520-DN

VN I. D. # 0611119



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200345004**

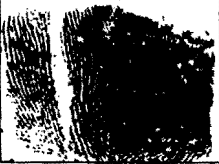
Họ tên: **HỒ THỊ KIM KHANH**



Sinh ngày: **02-12-1964**

Nguyên quán: **Châu phú, Châu đốc.**

Nơi thường trú: **Thuận lập,
Thuận phước, TP. Đà Nẵng.**

Dân tộc: Kinh.		Tôn giáo: Không.	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Seo chấm cách 2cm trên trước đầu lông mày phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 23 tháng 01 năm 1979 KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Sở Cảnh sát	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **201183708**

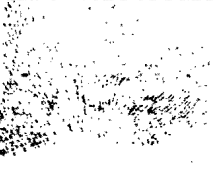
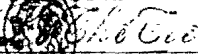
Họ tên: **HỒ THỊ THANH AN**



Sinh ngày: **2-7-1973**

Nguyên quán: **Xã Phú
Châu Đức, Nghệ An**

Nơi thường trú: **Huyện Phước
Thạnh, phố Đà Nẵng**

Dân tộc: kinh..... Tôn giáo:		
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH
		
	NGÓN TRỎ PHẢI	
		
Ngày năm 1989		
T. GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN		
		
		



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~201030666~~

Họ tên: **HỒ THE CAN**



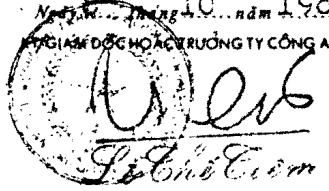
Sinh ngày: **10-11-1971**

Nguyên quán: **Châu Phú, Châu**

Độc, Kiên Giang,

Nơi thường trú: **Tổ 26, Thôn**

Phước, T. Phó Đa năng,

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo bầu dục d. 1cm2 x 0.4cm, 0.2cm5, dưới trướ đầu mắt phải	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày... tháng 10 năm 1987	
		TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN 	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **201050665**



Họ tên

HỒ THỊ THANH KHANG

Sinh ngày **22-8-1970**

Nguyên quán **Châu Phú, Châu**

Độc, Kiên Giang,

Nơi thường trú **30/4 Tc26**

Thuận Phước, T.P. Đà Nẵng,

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo: thẹo 1cm. C2cm5. dưới gấu cạnh mũi trái	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 8 tháng 10 năm 1987	
		 * * * * * L. Chi Tuân	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200915057**

Họ tên: **HỒ THỊ CÔNG**

Sinh ngày: **28-8-1969**

Nguyên quán: **Châu Phú**

Châu đốc, An Giang.

Nơi thường trú: **30/4 Đồng Đa**
Thành phố Đà Nẵng



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
NGÓN TRỎ PHẢI		Sọc chấm C. lem sau cánh mũi phải.	
		29 tháng 8 năm 1984	
NGÓN TRỎ PHẢI		CHỖ CHẤM ĐỘC HỌA TRƯỞNG TY CÔNG AN  Trần Văn Quân	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: 200013523

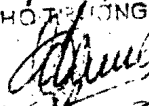
Họ tên: TRẦN THỊ KHƯƠNG



Sinh ngày: 23-4-1945

Nguyên quán: Đông Mỹ, Thanh
trí, Hà Sơn Bình.

Nơi thường trú: 30/4
Đông Đa, Đà Nẵng.

Dân tộc: Kinh.		Tôn giáo: Không.	
		DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
NGON TRỎ TRÁI		Sẹo chàm cách 3cm3 trên sau gạnh mũi phải.	
		Ngày 02 tháng 03 năm 1978	
NGON TRỎ PHẢI		KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN PHÓ TRƯỞNG TY  Cao Xứng	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số 000055555

Họ tên: HỒ THỊ CHAU

Sinh ngày 15-07-1938

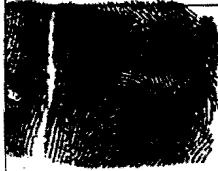
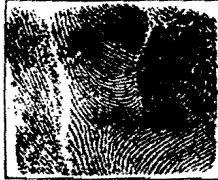
Nguyên quán Phó trí, Phú

Vàng, Bình Trị thiên

Nơi thường trú: Số 2/4 Đồng

Đa, Thành phố Đà Nẵng



Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Nốt ruồi nổi cách lcm sau cạnh mũi phải.	
		Ngày 1 tháng 4 năm 1978	
		THỦ LƯU QUẢN LÝ CÔNG AN RỪNG TỶ	
		 Quản lý	

ĐƠN VI
T120K5
Số 58. PT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

GIẤY PHÓNG THÍCH

Họ và tên

Hồ Nhê Châu

Bí danh

Ngày tháng năm sinh 15/7/1938

Nguyên quán *Phước An, Phước Long, Thừa Thiên*

Trú quán hiện nay *Lô nhà 3, Hẻm 4, Đường Dông Du, Phường Thuận Lập A, Thành phố Huế*

Ngày đi lính 10/6/1960

Đơn vị *Lữ đoàn 3 vận tải đường binh*

Số lính 58/112 884

Chức vụ *Trưởng ban*

Đã qua giáo dục từ ngày 2 tháng 9 năm 1975 đến

ngày 2 tháng 9 năm 1975

Nay được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm ăn theo quyết định số 188 ngày 2 tháng 9 năm 1975

của *Ban chấp hành tỉnh Thừa Thiên*

Đề nghị Ủy ban nhân dân cách mạng địa phương cho hưởng quyền công dân theo quyết định chung của nhà nước.

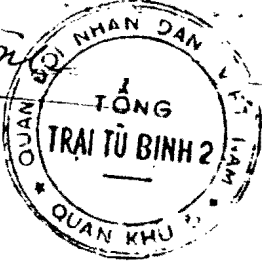
chứng nhận

đăng ký có tư cách dân sự

tại công an quân Ngày 2 tháng 10 năm 1976

Trưởng ban

Thủ trưởng đơn vị



Đoàn trưởng

Trung tá NGÓ CẦU

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QN/ĐN

Số 1607/QĐ

2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 9 năm 1977

QUYẾT ĐỊNH

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

- Căn cứ sắc lệnh số 175/SL ngày 18-8-1953 của Chủ tịch nước và quyết định số 298/TTC ngày 18-8-1953 của Thủ tướng Chính phủ qui định việc quản chế
- Xét đề nghị của ông Trưởng ty Công an Quảng nam Đà Nẵng.

QUYẾT - ĐỊNH

ĐIỀU 1 : Nay cho Trần Thế Nhân tuổi 1938

Hiện ở Số nhà 3/4 đường Đồng Tâm, Tân Cảng
Can tội Đội ngũ nguy hiểm đã tập trung cải tạo
được phong thích cớ, tiếp tục chửi xua quân chế
tại địa phương

được toàn an quản chế kể từ ngày 12/3/77

ĐIỀU 2 : Các Ông Chánh văn phòng UBND tỉnh: Trưởng ty Công an tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quảng Nam Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Tân Cảng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

CHỦ TỊCH UBND TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

nhó chủ tịch

Đã ký: Trần Văn Nhân LOẠI

SAY DAN CHÍNH

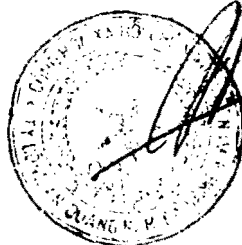
ĐÀ NẴNG ngày 19/3/1977

T/L TRƯỞNG TY CÔNG AN QN-ĐN

Phòng C.S.I

NƠI NHẬN :

- UBND Quảng Nam
- UBND Tân Cảng
- Viện KSND tỉnh
- Đường số
- LK.



Trần Nhân

---*---

Ngày 21 Tháng 11 Năm 1989

Kính gửi :

Ông Hồ Thế Châu

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày

Điều làm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để dẹp lại tinh thần, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi điều kiện điều hoà sẽ sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo dọn phòng được những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên tích cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tranh để cấp tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thơ

*** HỒ SƠ TÊN:

☐ ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KÈM: (hoãn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ☐ Hồ sơ bảo trợ ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☐ GIẤY RA TRAI
- ☐ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v....)
- ☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
- ☐ Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)
- ☐ Tài liệu liên hệ đến tư nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ) huy chương v.v...

*** CÁC THỦ KHÁC:



ARLINGTON, VA 22205-0655



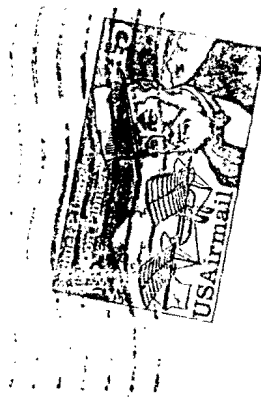
VIA AIR MAIL

Ông HỒ THẾ CHÂU

30/4 Đồng Đa

ĐÀ NẰNG

VIETNAM -

[illegible]

25214

Y2
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50
51
52
53
54
55
56
57
58
59
60
61
62
63
64
65
66
67
68
69
70
71
72
73
74
75
76
77
78
79
80
81
82
83
84
85
86
87
88
89
90
91
92
93
94
95
96
97
98
99
100
101
102
103
104
105
106
107
108
109
110
111
112
113
114
115
116
117
118
119
120
121
122
123
124
125
126
127
128
129
130
131
132
133
134
135
136
137
138
139
140
141
142
143
144
145
146
147
148
149
150
151
152
153
154
155
156
157
158
159
160
161
162
163
164
165
166
167
168
169
170
171
172
173
174
175
176
177
178
179
180
181
182
183
184
185
186
187
188
189
190
191
192
193
194
195
196
197
198
199
200
201
202
203
204
205
206
207
208
209
210
211
212
213
214
215
216
217
218
219
220
221
222
223
224
225
226
227
228
229
230
231
232
233
234
235
236
237
238
239
240
241
242
243
244
245
246
247
248
249
250
251
252
253
254
255
256
257
258
259
260
261
262
263
264
265
266
267
268
269
270
271
272
273
274
275
276
277
278
279
280
281
282
283
284
285
286
287
288
289
290
291
292
293
294
295
296
297
298
299
300
301
302
303
304
305
306
307
308
309
310
311
312
313
314
315
316
317
318
319
320
321
322
323
324
325
326
327
328
329
330
331
332
333
334
335
336
337
338
339
340
341
342
343
344
345
346
347
348
349
350
351
352
353
354
355
356
357
358
359
360
361
362
363
364
365
366
367
368
369
370
371
372
373
374
375
376
377
378
379
380
381
382
383
384
385
386
387
388
389
390
391
392
393
394
395
396
397
398
399
400
401
402
403
404
405
406
407
408
409
410
411
412
413
414
415
416
417
418
419
420
421
422
423
424
425
426
427
428
429
430
431
432
433
434
435
436
437
438
439
440
441
442
443
444
445
446
447
448
449
450
451
452
453
454
455
456
457
458
459
460
461
462
463
464
465
466
467
468
469
470
471
472
473
474
475
476
477
478
479
480
481
482
483
484
485
486
487
488
489
490
491
492
493
494
495
496
497
498
499
500
501
502
503
504
505
506
507
508
509
510
511
512
513
514
515
516
517
518
519
520
521
522
523
524
525
526
527
528
529
530
531
532
533
534
535
536
537
538
539
540
541
542
543
544
545
546
547
548
549
550
551
552
553
554
555
556
557
558
559
560
561
562
563
564
565
566
567
568
569
570
571
572
573
574
575
576
577
578
579
580
581
582
583
584
585
586
587
588
589
590
591
592
593
594
595
596
597
598
599
600
601
602
603
604
605
606
607
608
609
610
611
612
613
614
615
616
617
618
619
620
621
622
623
624
625
626
627
628
629
630
631
632
633
634
635
636
637
638
639
640
641
642
643
644
645
646
647
648
649
650
651
652
653
654
655
656
657
658
659
660
661
662
663
664
665
666
667
668
669
670
671
672
673
674
675
676
677
678
679
680
681
682
683
684
685
686
687
688
689
690
691
692
693
694
695
696
697
698
699
700
701
702
703
704
705
706
707
708
709
710
711
712
713
714
715
716
717
718
719
720
721
722
723
724
725
726
727
728
729
730
731
732
733
734
735
736
737
738
739
740
741
742
743
744
745
746
747
748
749
750
751
752
753
754
755
756
757
758
759
760
761
762
763
764
765
766
767
768
769
770
771
772
773
774
775
776
777
778
779
780
781
782
783
784
785
786
787
788
789
790
791
792
793
794
795
796
797
798
799
800
801
802
803
804
805
806
807
808
809
810
811
812
813
814
815
816
817
818
819
820
821
822
823
824
825
826
827
828
829
830
831
832
833
834
835
836
837
838
839
840
841
842
843
844
845
846
847
848
849
850
851
852
853
854
855
856
857
858
859

VIỆT-NAM CỘNG-HOÀ
BỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG-THAM-MU QUÂN-VNCH
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN
TRƯỞNG QUÂN-VẬN

GIẤY CHỨNG NHẬN

KẾT - QUẢ HUẤN - LUYỆN

Số : 163 /TQV/KHL/GCN.

THAM CHIẾU : - SVVT số 4.737/TTM/TCQH/NH2 ngày 31.05.1971.

HỌ và TÊN : HỒ - THẾ - CHAU
CẤP-BẠC : Đại-úy
SỐ-QUÂN : 58/112.884
ĐƠN VỊ GỐC : /
KHÓA THAM DỰ : 10 Sinh-Viên Sĩ-Quan/TĐ/Quân-Vận.
NGÀY KHAI GIẢNG : 18.01.1961
NGÀY MÀN KHÓA : 18.07.1961

ĐIỂM TRUNG BÌNH : 14.132/20

XẾP HẠNG : 4/10

ÁM SỐ C.N.Q.S : 159

KẾ HOẠCH, ngày 18 tháng 05 năm 1973,
TRƯỞNG QUÂN-VẬN
THAM MỤC QUÂN-VNCH
TRƯỞNG QUÂN-VẬN

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
BỘ QUỐC - PHÒNG
BỘ TỔNG THAM MUU / Q.L.V.N.C.H.

HƯỜNG LÊP - U / AN Q.L.V.N.C.H.

Chứng nhận Đại-Ủy HỒ - THỂ - CHÁU Số quân 53/112.884

đã tốt nghiệp khóa DỰ TRÙ và THỰC HIỆN

HƯỜNG - HỈ

Số : 2894
KBC. 3456 ngày 31 Th.7. 1970
CHẾ-HUY-THƯỜNG
THƯỜNG TIẾP-VẬN Q.L.V.N.C.H.
Đại-Tá PHẠM-VĂN-THƯỜNG
(Ký tên và đóng dấu)

KBC. 4002, ngày 31 Th.7. 1970
TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG-CỤC TIẾP-VẬN
Chuẩn-Trưởng ĐỒNG-VĂN-KHUYẾN
(Ký tên và đóng dấu)

SAO Y BẢN CHÍNH

ARVN PRAISE

KBC. 3.031, ngày 23 Th.3. 1973

Đại-Tá TRẦN-THIỆN-THÀNH
Cục-Trưởng Cục Quân-Vận



VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC PHÒNG
BỘ TỔNG THAM-MUU/QLVHCH
TỔNG-CỤC TIẾP-VẬN
CỤC QUÂN-VẬN
SỞ CHUYỂN-VẬN
PHÒNG LƯU-HÀNH

S.T : 51061 - 61331
002221
Số : /CCV/SCV/LH.

QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHO PHÉP MANG HUY-HIỆU TUYẾN-CÔNG ĐƠN-VỊ VOI TINH-CÁCH
VĨNH-VIÊN

Dại-Tá TRẦN-THIỆN-THÀNH, Cục-Trưởng Cục Quân-Vận/Q.L.V.N.C.H.

chứng nhận : Đại-Úy HỒ - THẾ - CHÂU số-quân 58/112884 thuộc Cục Quân-Vận
có góp phần trong việc lập được thành tích vẻ-vang đã đem lại cho TỔNG-CỤC TIẾP-VẬN
Bộ T.T.M./CLVNCH vinh c tuyên dương công trạng trước Quân-Đội và ân thưởng
ANH-DÙNG BỘI-TINH với NHÀNH DƯƠNG-LIỆU.

Chiếu Huân-thị số 655-418 ngày 27.4.1968, thi hành Công Lệnh số
137/TT/CL ngày 30.5.1973 và B.V.V.T. số 8262/TT/QT/K.HCg. ngày 3.10.1973 được phép
mang vĩnh-viên HUY-HIỆU TUYẾN-CÔNG ĐƠN-VỊ của ANH-DÙNG BỘI-TINH với NHÀNH DƯƠNG-LIỆU.

Giấy chứng nhận này được cấp cho đương-sự để chấp dụng.-



K.B.Đ. 3.031, ngày

18 Th.3. 1974

Law

025

HUÂN CHƯƠNG VÀ HUY CHƯƠNG ĐẠO ĐỨC TRUYỀN

Cho Đại lý tại địa phương HỒ-THẾ CHÁU Sĩ quan Quân khu Thủ Đức

Cnc Quin ~~T.M~~/TETV/VNCS. Sĩ quân 58/112.886.

- 1 Kung ching An Nam Bưu điện Ngã Sáu (Chợ Đông Dư) 1370.
vườn và Siquan Diên Hoa Lan thối và vườn lan rừng trên núi Hào (TOC)
phần lớn Hào (phần trên) / QL 600. Trong vườn có hàng ngàn cây lan rừng.

1. Hong Kong Chinese University 1965 Hong Kong Chinese University
 1965 - 1966 Chinese University of Hong Kong

1-2011 Penicillium glaucophorum Berk. 1870

Arthur Hays Sulzberger, Jr. and his wife, Anne, 1970

- A long curving, streamlined body, tapering to a point at the rear.

6. Safety known to boy has a right to know

- trying to keep the baby safe 12 months then it's all

• 2 transline / Air Chlorine, Dioxin Chlorine & Yeast thioctic acid 1/ANTZ

2. Trình bày các cơ chế vận chuyển Nơrein V:

- Bộ quan Bức Vải chùng phồng linh hoạt, dễ chùng vào, C - c quăn vào
- Bộ quan Quấn Kiem có 8 tầng, C/NEX toàn quăn vào VNCH.

-Đặc biệt mang tính liên ngành liên ngành trong công tác tôn vinh các quan
văn hóa ở TH/ Tổng cục quản lý / QL và CH: tăng cường công tác
tư vấn chuyên gia và các bên liên quan và sự phối hợp VS. Nhóm Di sản liên

nyang 18-3-1974.

QN - ĐN
Số: 14 / XC
89

GIẤY BẢO TIN

KÍNH GỬI: Ông, Bà Hồ Thị Châu (1938)
Hiện ở: 32/4 Đường 4, Phường Phước An, Quận Bắc
Qua nghiên cứu Xét xét hồ sơ xin xuất cảnh
đi Hoa Kỳ (Tái định cư) của gia đình
Chúng tôi thấy Tốt

- Hồ Thị Châu đã được cấp an ninh Quảng Nam
Đã được cấp thẻ an ninh Bộ Nội vụ xét cho xuất
cảnh Hoa Kỳ (06)
Hai cháu: Kim Khanh (1967), Kim Khanh (1967)
Không thuộc diện ưu tiên để được cấp thẻ an ninh
an ninh được để lại ở lại tại Việt Nam.
- Hồ Thị Châu đã được cấp an ninh số 03/DSB
Đã được chuyển về Cục quản lý xuất nhập cảnh
Bộ Nội vụ tại Hà Nội ngày 26/10/1989.

Vậy xin thông báo để Ông và gia đình được rõ

Chức vụ

Tôi đã xin Cam thiệp thêm cho
Cháu Hồ Thị Kim Khanh

Đà Nẵng ngày 26 tháng 10 năm 1989

(Sinh 1964)
Tuy nhiên 21+ nhưng cháu vẫn còn
sống và đi và biết rõ của gia đình
về mọi mặt. Có lẽ chấp thuận cho cháu
đi tiếp tục

TL/GIÁM ĐỐC

Trưởng phòng quản lý INC



MINISTRY OF INTERIOR

Kim Khanh

Hồ Thị Châu

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: TU

Lập ngày 03 tháng 01 năm 1973

PHƯỜNG

Khánh-Hội

Số hiệu:

70



Tên họ đứa trẻ. . . .	Hồ - thị - thanh - An
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Ngày hai tháng một năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba
Nơi sanh.	Bảo - Sanh - Tôn-thất-Thuyết
Tên họ người cha. . .	Hồ - thế - Châu
Tên họ người mẹ. . .	Trần - thị - Khương
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ - Chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn - thị - Chấn

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 10 tháng 03 năm 19 73

Viên-Chức Hộ-Tịch, h

1973

ĐẠI ỦY ĐÌNH-DUY-ĐIỂM



Tên họ ấu nhi HỒ-THỊ-KIM-KHANH
 Phối Hũ
 Sinh Ngày hai tháng mười hai năm một nghìn chín
 (Ngày, tháng, năm) trăm sáu mươi bốn. (02-12-1964)
 Tại NHÀ HỘ-SINH HUYNH-THỊ-AN ĐÀ-NANG
 Cha HỒ-THẾ-CHÂU
 (Tên, họ)
 Tuổi 1938
 Nghề Sĩ-quan Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa
 Cư-trú tại Số 86 Nguyễn-Hoàng Đà-Nẵng
 Mẹ TRẦN-THỊ-KHƯƠNG
 (Tên, họ)
 Tuổi 1945
 Nghề Nội-trợ
 Cư-trú tại Số 86 Nguyễn-Hoàng Đà-Nẵng
 Vợ CHÁNH
 (Chánh hay thứ)
 Người khai TRẦN-THỊ-KHƯƠNG
 (Tên, họ)
 Tuổi 1945
 Nghề Nội-trợ
 Cư-trú tại Số 86 Nguyễn-Hoàng Đà-Nẵng
 Ngày khai Ngày 04 tháng 12 năm 1964
 Người chứng thứ nhất Có giấy chứng nhận của Nhà
 (Tên, họ)
 Tuổi Hộ-sinh Huynh-thị-An Đà-Nẵng
 Nghề cấp ngày 04 tháng 12 năm 1964.
 Cư-trú tại
 Người chứng thứ nhì Như trên
 (Tên, họ)
 Tuổi
 Nghề
 Cư-trú tại



Lập tại xã THẠC-GIÂN, ngày 04 tháng 12 năm 1964
 Người khai Hộ lại Nhân chứng

TRẦN-THỊ-KHƯƠNG

PHÙNG TRÍCH LỤC

THẠC-GIÂN, ngày 20 tháng 1 năm 1965
LẠI



CAO-VĂN-HUYNH



Tên họ ấu nhi	HỒ - THẾ - CHÂU.
Phái	Nam.
Sinh	ngày hai mươi tám, tháng tám, năm một nghìn
Ngày, tháng, năm)	chín trăm sáu mươi chín. (28.8.69)
Tại	Nhà Hộ-Sinh Quân-Đoàn I, Đà-Nẵng.
Cha	Hồ-Thế-Châu.
Tên họ)	
Tuổi	Sinh năm 1938.
Nghề	Quân-Nhân.
Cư-trú tại	K.B.C 4.022
Mẹ	Trần-thị-Khương.
(Tên họ)	
Tuổi	Sinh năm 1945.
Nghề	Nội-Trợ.
Cư-trú tại	Thạch-thang, Đà-Nẵng.
Vợ	Chánh.
(Chánh hay thê)	
Người khai	Hồ-Thế-Châu.
(Tên họ)	
Tuổi	Sinh năm 1938.
Nghề	Quân-Nhân.
Cư-trú tại	K.B.C 4.022.
Ngày khai	Ngày 3 tháng 9 năm 1969.
Người chứng thê nhất	Có giấy chứng nhận do nhà
(Tên họ)	Hộ-Sinh Quân-Đoàn I,
Tuổi	cấp ngày 28.8.1969
Nghề	Biên lai số 207/QĐI/XH/HS.
Cư-trú tại	
Người chứng thê nhì	/
(Tên họ)	/
Tuổi	/
Nghề	/
Cư trú tại	/

Làm tại Thạch-Thang, ngày 3 tháng 8 năm 19 69.
Người khai, Hộ lại, Nhận chứng,

Hồ-Thế-Châu.

Có giấy chứng nhận.

PHUNG-TRICH-LUC

THẠCH-THANG, NGÀY 3 THÁNG 9 NĂM 19 69

CHU TICH



DANG-VAN-CUONG



Đã nhận 4 tháng 9 năm 1969
KT QUẢN TRỊ CÔNG QUÂN SỰ
PHẠ QUÂN TRƯNG

MIỄN LỆ PHỤ VI BĂNG

Người khai: Tân



Tên họ ấu nhi HỒ-thị-thanh-KHANG
 Phái NỮ
 Sinh Ngày hai mươi hai, tháng Tám, năm một
 (Ngày, tháng, năm) ngàn chín trăm bảy mươi (22-8-1970)
 Tại PHI-ĐỘ sinh quân-Đoàn 1 Đà-Nẵng
 Cha HỒ-thị-CHAU
 (Tên họ)
 Tuổi Năm 1938
 Nghề QUÂN-QUẢN
 Cư trú tại KBC . 3124
 Mẹ TRẦN-thị-KHƯƠNG
 (Tên họ)
 Tuổi Năm 1945
 Nghề Nội-trợ
 Cư trú tại Thạch-Hương Đà-Nẵng
 Vợ Chánh
 (Chánh hay thứ)
 Người khai HỒ-thị-CHAU
 (Tên họ)
 Tuổi năm 1938
 Nghề QUÂN-QUẢN
 Cư trú tại KBC . 3124
 Ngày khai Ngày hai mươi sáu, tháng Tám, năm một
ngàn chín trăm bảy mươi (26-8-1970)
 Người chứng thứ nhất Có giấy chứng nhận của QUÂN-ĐOÀN
 (Tên họ)
 Tuổi 1 Đà-Nẵng cấp ngày 22/8/1970
 Nghề Số 178
 Cư trú tại
 Người chứng thứ nhì //
 (Tên họ)
 Tuổi //
 Nghề //
 Cư trú tại //

Làm tại Thạch-Hương ngày 26 tháng 08 năm 1970

Người khai

Hộ lại,

Nhân chứng.

TRẦN THỊ KHƯƠNG

TRẦN THỊ KHƯƠNG 26 THÁNG 8 NĂM 1970

CANTON



Tên họ sơ nhi	HỒ - THẾ - CẦN
Phái	Nam
Sinh	Ngày Mười. Tháng Mười Một. Năm Một Ngàn
Ngày tháng năm	Chín Trăm Bảy Mươi Mốt (10-11-1971)
Tại	Nhà HQ Sinh Quân Đoàn I Đà Nẵng
Cha	HỒ - THẾ - CHÂN
Tên họ	
Tuổi	Sinh Năm - 1938
Nghề	Quân - Nhân
Cư trú tại	K.B.C. - 3.031
Mẹ	Trần - Thị - Hương
Tên họ	
Tuổi	Sinh Năm - 1945
Nghề	Nội - Trợ
Cư trú tại	Thạch Thang Đà Nẵng
Vợ	Chánh
Chánh hay thờ	
Người khai	HỒ - THẾ CHÂU
Tên họ	
Tuổi	Sinh Năm - 1938
Nghề	Quân - Nhân
Cư trú tại	K.B.C. - 3.031
Ngày khai	Ngày Mươi Hai. Tháng Mười Một. Năm Một Ngàn Chín Trăm Bảy Mươi Mốt (12-11-1971)
Người chứng thư nhất	Cấp Chứng Nhận Số 325 -
Tên họ	
Tuổi	Nhà HQ Sinh Quân Đoàn I Đà Nẵng
Nghề	Cấp Ngày 10 - 11 - 1971 -
Cư trú tại	B.S. Trần - Vũ - Thị - Vân.
Người chứng thư nhì	Ký Tên Và Đóng Dấu.
Tên họ	
Tuổi	//
Nghề	//
Cư trú tại	//

MIỄN LỆ PH
VỊ ĐANG

Lập tại Thạch Thang, ngày 12 tháng 11 năm 1971
Người khai Họ lại Nhân chứng

HỒ-THẾ-CHÂU

PHỤNG-TRUNG-LỤC

GIẤY-CHỨNG-NHẬN

Nhận thiết chủ kỹ sư

ACH-THANG. NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 1971

Ông DANG-VAN-QUANG

Đã nộp 4 tháng 11 năm 1971

KÍ QUẢN TRƯỞNG QUẢN LÝ

PHÓ QUẢN TRƯỞNG



HỒ-THẾ-CHÂU

DANG-VAN-QUANG

VIỆT - NAM CỘNG - HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
THÀNH-PHỐ ĐÀ-NANG
QUẬN NỘI-8
XÃ KHU-PHỐ THẠC-GIẢN

Số hiệu 45

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THƯ HÔN - THƯ

Tên họ người chồng HỒ - THẾ - CHÂU

Nghề nghiệp Quân-nhân

Sanh ngày 15 tháng 07 năm 1938

Tại Châu-Phủ Châu-Đốc

Cư sở tại Phố-Trí, Phú-Vang, Thừa-Thiên

Tạm trú tại Thạc-Giản Đà-Nẵng

Tên họ cha chồng Hồ - thế - Huyệt (Sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng Ngô-thị- Bằng (Chết)

(sống chết phải nói)

Tên họ người vợ TRẦN-THỊ-KHƯƠNG

Nghề nghiệp Nội-trợ

Sanh ngày 23 tháng 04 năm 1945

Tại Hà - Đông (Bắc-Phân)

Cư sở tại Hà - Đông (Bắc-Phân)

Tạm trú tại Thạc-Giản Đà-Nẵng

Tên họ cha vợ Trần - Dĩnh (Sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Phạm-thị- Tuệ (Sống)

(sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày tám tháng tư năm một nghìn chín trăm sáu mươi

bốn, (08 -04- 1964)

— Vợ chồng khai có hay không lập hôn khế -----

ngày ----- tháng ----- năm -----

Tại -----

Trích y bản chính

THẠC-GIẢN ngày 08 tháng 04 năm 1964

Viết chức hộ tịch



TRẦN - 57

MIỀN LÊ-PHI
VI-BẢNG

TE./VT/16.3/11b

VIỆT-NAM CÔNG-HÒA
BỘ QUỐC-THÔNG

TỔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-THÔNG

L

số 398 /TP/Đ/NSV

- Chiếu Hiến-Lưu tại thời số 1 ngày 4.11.1963 và Hiến-Uớc số 2 ngày 7 tháng 2 năm 1964,

- Chiếu Sắc-Lệnh số 99-TTP ngày 3.2.1964, ấn-định thành-phần Chính-Phủ,

- Chiếu Dụ số 29 ngày 29.6.1953 (Điều 20 - đoạn chót),

- Chiếu Hiến-thủ số 15.877/ĐP/Đáp-đáp/4 ngày 15.10.1953 về việc hôn-nhân của các Quân-nhân trong Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa,

- Chiếu Đơn xin phép kết-hôn của Thiếp-Lý HỒ-THẮC-CHAU (tổ ngày 1.2.1964 do Đại-Đội 2 Vận-Tải chuyển đệ (Phiếu gửi số 416/VT2/33 ngày 5.3.1964).

QUYẾT - ĐỊNH

1/- Nay cho phép Thiếp-Lý HỒ-THẮC-CHAU số quân 59/112.804 thuộc Đại-Đội 2 Vận-Tải, được kết-hôn cùng cô THIÊN-THỊ-THUẬN sinh ngày 23.04.1945 tại Tân-Đông (Hắc-Liêu), con của Ông THIÊN-DINH và bà PHẠM-THỊ-THỤ.

2/- Kể từ ngày lập gia-thả, đương-sự sẽ được hưởng những quyền lợi dành cho các Quân-nhân kết-hôn tại-lộ.

3/- Đương-sự phải gửi một bản trích-lục giấy gia-thả để xếp hồ-sơ ./-

THÔNG, ngày

1964

NƠI NHẬN :

-BỘ Tổng-Tư-Lệnh/P.TTT

SAY GỬI :

-Đại-Đội 2 Vận-Tải - KHC. 4.622

-BỘ TTL/P.TTT/Ban HSP

-BỘ Tư-Lệnh Sư-Đoàn 2 B.B.

-HỒ-sơ

-Lưu trữ.



THÔNG-TRƯỞNG BỘ QUỐC-THÔNG

Phong-Lý Văn-Phong

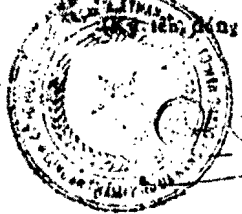
TRƯỞNG-VĂN-LIÊN

8 Th.4. 1964

Handwritten signature

X <i>Chức</i> TRANG KHẨU CHỖ Ở CẢ HỘ	
Chứng nhận đã chuyển đến ở:	Chứng nhận đã chuyển đến ở:
Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu	Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu
Chứng nhận đã chuyển đến ở:	Chứng nhận đã chuyển đến ở:
Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu	Từ ngày ____ tháng ____ năm ____ Ký tên, đóng dấu
NHƯNG THỊ TÔI KHÁC	

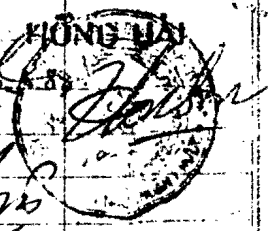
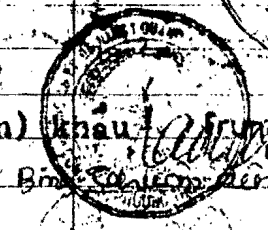
NK 4

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập — Tự do — Hạnh phúc	
GIẤY CHỨNG NHẬN HỘ KHẨU THƯỜNG TRÚ	
Số: 1023 CN	
Họ và tên chủ hộ:	TRẦN THỊ KHUÔNG
Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà:	30/4
Xã, thị trấn, đường phố:	Đông Giang
Tiểu khu, phường, đồn công an:	Huân Phước
Huyện, quận, khu phố, thị xã:	
Tỉnh, thành phố:	Đà Nẵng
Ngày 1 tháng 6 năm 1962	
Trưởng công an thành phố Đà Nẵng.	
Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên:	
	
Tập số:	
Trang số:	

MỘT

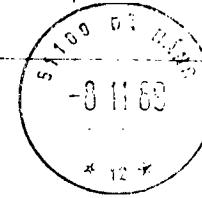
NHỮNG NGƯỜI THƯỜNG TRÚ TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	NAM hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển đi	Tên cán bộ ĐKNK
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần thị Khương	chủ hộ	nữ	1945	200013523	công nhân			
2	Hồ thị Kim Khanh	con	nữ	1964	200045004				
3	Hồ thị Khương	con	nam	1966	200013523			NVQS 2/86	NVQS 2/86
4	Hồ thị Kim Khanh	con	nữ	1957	200915028				
5	Hồ thế Công	con	nam	1969	200915727				
6	Hồ thị Thanh Khang	con	nữ	1970	201080665				
7	Hồ thế Cẩn	con	nam	1971	201080666				
8	Hồ thị Thanh An	con	nữ	1973		201183708			
9	Hồ thế Châu	chồng nam		1938	20005658				
Tinh đến ngày 1/5/1987 hộ có 9 khẩu.									
Tinh đến ngày 1/1/96 hộ gồm 8 khẩu									
09	Hồ thế Khương	con	Nam	1966	20088090				
Tinh đến ngày 16/09/1987 hộ gồm có 09(chín) khẩu									
10	Nguyễn Thị Oa Lâm	con	nữ	1969	20099080				
Tinh đến ngày 06/8/88 hộ có 10 (mười) khẩu									
11	Chị Chi Liên	con	nữ	1983				Nhập 21.12.88	
Tinh đến ngày 2/1/1988 hộ có 11 (mười một) khẩu									

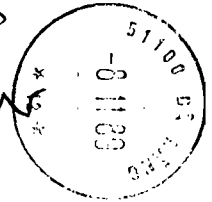


FROM : HỒ THẾ CHÂU 30/4 ĐỒNG ĐÀ DANANG

658
20650



To Madame KHUÊ MINH THO
P.O BOX 5435, ARLINGTON
VA 22205-0635



USA



DEC 02 1989

VIA AIR MAIL



PHONE : 703-560-0058